TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 6 - GI** **TỈNH GI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 87/2026/QĐST-HNGĐ	*Gi, ngày 05 tháng 3 năm 2026*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ Hồ sơ vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 18/2026/TLST-HNGĐ ngày 12 tháng 01 năm 2026, giữa:

1. Nguyên đơn: Anh Lê Nhật D, sinh ngày 20/01/1990

Căn cước công dân số: 052090020187, do Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội cấp ngày 07 tháng 10 năm 2022.

Quê quán: Phường H, tỉnh Gi.

Địa chỉ: Tổ dân phố Th, phường H, tỉnh Gi.

2. Bị đơn: Chị Lê Thị L, sinh ngày 06/4/1989

Căn cước công dân số: 052189014956, do Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội cấp ngày 09 tháng 5 năm 2021.

Quê quán: Phường H, tỉnh Gi.

Địa chỉ: Tổ dân phố Th, phường H, tỉnh Gi.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55, 81, 82, 83, 84 và 116 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 25 tháng 02 năm 2026.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 25 tháng 02 năm 2026 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Anh Lê Nhật D và chị Lê Thị L.

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về hôn nhân: Anh Lê Nhật D và chị Lê Thị L thuận tình ly hôn.

- Về nuôi con chung: Giao cháu Lê Như Ng, sinh ngày 21/01/2024 cho chị Lê Thị L trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi trưởng thành; ghi nhận sự tự nguyện của chị L, không yêu cầu anh D phải cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc con chung, không ai được cản trở. Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng theo quy định của pháp luật.

- Về chia tài sản: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về án phí Hôn nhân và Gia đình sơ thẩm: Anh Lê Nhật D chịu 150.000đ (Một trăm năm mươi nghìn đồng) sung vào ngân sách Nhà nước. Anh D đã nộp tạm ứng án phí 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000398 ngày 12/01/2026 của Thi hành án dân sự tỉnh Gia Lai được tính trừ; còn lại hoàn trả anh Duy 150.000đ (Một trăm năm mươi nghìn đồng).

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- VKSND khu vực 6 - Gi;
- Thi hành án dân sự tỉnh Gi;
- UBND phường H (Giấy chứng nhận kết hôn số 14/2016 ngày 05/02/2016 tại UBND xã H cũ).
- Lưu: Hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Võ Phương Quang